TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:32/2018/QĐST-DS	*Sông Cầu, ngày 17 tháng 09 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 09 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 05 năm 2018 về việc *"Yêu cầu chia di sản thừa kế"*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 07/9/2018 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị B, sinh năm 1967

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1985.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983
- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989
- Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1991

Đều có địa chỉ: KP.T SĐ, P.XĐ, tx.S C, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Đặng Thị B, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ph thừa nhận quyền sử dụng đất thửa 237, tờ bản đồ số 13, diện tích 200 m2 được UBND huyện Sông Cầu cấp giấy CNQSDĐ số G675697 cho hộ ông Nguyễn Văn Bé ngày 11/10/1992; Tọa lạc tại xã Xuân Thọ 2, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên (nay là thửa số 52, tờ bản đồ số 8 thuộc KP.Triều Sơn Đông, P.Xuân Đài, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên) qua đo đạc thực tế hiện nay có diện tích là 232.2m2 và 01 ngôi nhà cấp 4 bà B đang quản lý sử dụng là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Bé và bà Đặng Thị B. Năm 2015 ông Nguyễn Văn Bé chết, nay bà Đặng Thị B, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ph thống nhất tài sản có giá trị 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* và thống nhất phân chia như sau:

Phần thứ 1: Chia cho bà Đặng Thị B, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ph diện tích đất 156,5 m2 và ngôi nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất, thuộc thửa 52-1, tờ bản đồ số 8, trong đó 150m2 là đất ONT, còn 6,5m2 là đất CLN. Địa chỉ: KP.Triều Sơn Đông, P.Xuân Đài, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên trị giá

101.098.217 đồng *(Một trăm linh một triệu không trăm chín mươi tám nghìn hai trăm mười bảy đồng)* gắn vị trí như sau: hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Minh, hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn S và đường bê tông; hướng Tây giáp quốc lộ 1A; hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Tư. Các bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ph tự nguyện giao cho bà Đặng Thị B trọn quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất và ngôi nhà cấp 4 nêu trên. (có sơ đồ kèm theo)

Phần thứ 2: Chia cho ông Nguyễn Văn S trọn quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 75,7m2, thuộc thửa 52-2, tờ bản đồ số 8 trong đó 50 m2 là đất ONT và 25,7m2 là đất CLN. Địa chỉ: KP.Triều Sơn Đông, P.Xuân Đài, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên Yên trị giá 48.901.821 đồng *(Bốn mươi tám triệu chín trăm linh một nghìn tám trăm hai mươi mốt đồng)* gắn vị trí như sau: hướng Bắc giáp đất bà Đặng Thị B, hướng Nam giáp đường bê tông, hướng Tây giáp quốc lộ 1A, hướng Đông giáp đất bà Đặng Thị B (có sơ đồ kèm theo).

- Về án phí: Bà Đặng Thị B phải chịu 2.527.500 đồng *(Hai triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự theo kỷ phần được hưởng nhưng được trừ vào số tiền 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)* mà bà B đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0006466 ngày 21/05/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên, bà B còn phải nộp thêm số tiền 2.027.500 đồng *(Hai triệu không trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng)*; ông Nguyễn Văn S phải chịu 1.222.500 đồng *(Một triệu hai trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm theo kỷ phần được hưởng.

- Về chi phí tố tụng: Bà Đặng Thị B tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đã thực hiện xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tôn